**PHỤ LỤC IVa**

**Bản tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu**

**đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện (mức độ 1)**

**(***kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày tháng năm 2024*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung, tiêu chí** | ***Mã minh chứng: Tên minh chứng*** | **Quy định** **mức độ 1** | **Kết quả tự đánh giá của đơn vị***(ghi Đạt/ Không đạt)* | **Gợi ý minh chứng** |
| **Tiêu chí 1: Điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập** |  |  |  |
| Chỉ tiêu 1  |  |  |  | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các thành viên trong đơn vịBáo cáo kết quả tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡngDanh sách thành viên trong đơn vị và danh sách thành viên trong đơn vị tham gia học tập, bồi dưỡng, … |
| Chỉ tiêu 2  |  |  |  | Các quy định cụ thể của đơn vị nhằm động viên thành viên trong đơn vị học tập (học phí, phương tiện, động viên, khen thưởng...)Đơn vị cấp huyện là nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập tham gia thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn theo quy định: kế hoạch, phân công, ... |
| Chỉ tiêu 3 |   |  |  | Minh chứng bố trí đủ kinh phí hằng năm để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với Thành viên trong đơn vị |
| Chỉ tiêu 4 |  |  |  | Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng CNTT Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số Minh chứng triển khai phần mềm phục vụ chuyển đổi số, dịch vụ trực tuyến Văn bản có nội dung trang bị các dụng cụ, thiết bị học tập đáp ứng nhu cầu làm việc và học tập các thành viên trong đơn vị |
| Chỉ tiêu 5 |  |  |  | Kế hoạch tham gia các hoạt động phục vụ việc học tập suốt đời cho người dân |
| **Tiêu chí 2:** **Về kết quả học tập của thành viên trong đơn vị** |  |  |  |
| Chỉ tiêu 1  |  | Tối thiểu 90% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức trong năm đề nghị |
| Chỉ tiêu 2  |  | Tối thiểu 90% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Bản tổng hợp của đơn vị (có xác nhận của đơn vị) đối với các thành viên đã tham gia và hoàn thành đầy đủ các chương trình học tập, bồi dưỡng theo quy định của nhà nước hoặc của đơn vị và đoàn thể được lãnh đạo đơn vị phê duyệt |
| Chỉ tiêu 3 |  | Tối thiểu 90% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Bản tổng hợp của đơn vị (có xác nhận của đơn vị) đối với các thành viên đã được đào tạo, bồi dưỡng và tham gia thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị |
| Chỉ tiêu 4 |  | Tối thiểu 50% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Bản tổng hợp của đơn vị (có xác nhận của đơn vị) đối với các thành viên có chứng nhận hoặc chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm (không bao gồm thành viên trong đơn vị là tổ chức kinh tế)  |
| Chỉ tiêu 5 |  | Tối thiểu 90% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Bản tổng hợp của đơn vị (có xác nhận của đơn vị) đối với các thành viên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên  |
| **Tiêu chí 3:** **Tác dụng của việc xây dựng “Đơn vị học tập”** |  |  |  |
| Chỉ tiêu 1  |  | Tối thiểu 90% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Bản tổng hợp của đơn vị (có xác nhận của đơn vị) đối với các thành viên đạt danh hiệu “Công dân học tập” theo Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá, công nhận “Công dân học tập” giai đoạn 2021-2030 |
|  | Tối thiểu 95% thành viên | Ghi tỷ lệ % và kết quả | Đối với cơ sở giáo dục đánh giá, công nhận ở cấp huyện: Bản tổng hợp của đơn vị (có xác nhận của đơn vị) đối với người học đạt danh hiệu “Công dân học tập” |
| Chỉ tiêu 2  |  |  |  | Minh chứng Đơn vị cấp huyện thực hiện các hoạt động tạo lập môi trường học tập và chia sẻ tri thức với các đơn vị khácMinh chứng Đơn vị cấp huyện là nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập có thực hiện hoặc phối hợp thực hiện tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục trên địa bàn theo quy định. |
| Chỉ tiêu 3 |  | Danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên |  | Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của đơn vị |
| Chỉ tiêu 4 |  | Mức đáp ứng cơ bản (mức độ 2) |  | Đơn vị cấp huyện là cơ sở giáo dục phổ thông: báo cáo kết quả đánh giá và văn bản công nhận đạt mức độ chuyển đổi số của Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| Chỉ tiêu 5 |  |  |  | Đơn vị cấp huyện là cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Văn bản công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định hiện hành |
| **TỔNG HỢP** |  |  |  |

**Lưu ý:**

**1. Dùng Mã minh chứng (DV- số thứ tự tiêu chí-số thứ tự chỉ tiêu-số thứ tự của minh chứng) đặt tên cho tệp của minh chứng đó.**

Vd:Trong Tiêu chí **2**, chỉ tiêu **4**,Bản tổng hợp của đơn vị đối với các thành viên có chứng nhận hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc hoặc vị trí việc làm là minh chứng số **1** thì tên tệp của minh chứng này là **DV-02-04-01.**

**2. Cách thức đánh giá “Đơn vị học tập” cấp huyện**

a) Kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về “Đơn vị học tập” cấp huyện được đánh giá bằng hai hình thức ***đạt*** hoặc ***không đạt***.

b) Các tiêu chí, chỉ tiêu không có minh chứng phù hợp được đánh giá là không đạt.

c) Tiêu chí được đánh giá là đạt khi đơn vị đạt tất cả các chỉ tiêu của tiêu chí đó.

**3. Điều kiện công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện:** Đơn vị cấp huyện được công nhận đạt “Đơn vị học tập” cấp huyện mức độ 1, 2 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu mức độ 1, 2./.